

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 03/2023/KDTM-PT

Ngày: 08 - 12 - 2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín
dụng; yêu cầu tuyên bố hợp
đồng tín dụng, hợp đồng thế
chấp vô hiệu.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tuấn

Ông Nguyễn Đức Cảnh

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam
Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: ông
Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên

Từ ngày 06 đến ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh
Nam Định mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:
02/2023/TLPT-KDTM ngày 10/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng;
yêu cầu tuyên bố hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp vô hiệu”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/KDTM-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023
của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 84/2023/QĐXX-PT ngày
15 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng V; địa chỉ: Số 89 phố L, phường L, quận Đ, thành
phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D– Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó Giám đốc Trung tâm
xử lý nợ pháp lý (theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020);

Người đại diện theo ủy quyền lại:

- Ông Cao Duy Th - Trưởng bộ phận xử lý nợ;
- Ông Đinh Trần Đại Ng và ông Vũ Tuấn N - Cán bộ xử lý nợ.

(Theo văn bản ủy quyền số 143/2023/UQ-LCC-KHCN2 ngày 03-02-2023)

2. Bị đơn: Vợ chồng chị Hoàng Thị H, sinh năm 1982 và anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1975; cùng địa chỉ: Xóm 35, xã M, huyện H, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn B: Chị Hoàng Thị H (theo biên bản về việc ủy quyền ngày 09-5-2023).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Vợ chồng anh Hoàng Văn T, sinh năm 1978 và Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: Xóm 34, xã M, huyện H, tỉnh Nam Định.

4. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1974; cùng địa chỉ: Xóm 35, xã M, huyện H, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Đ: Bà Phạm Thị H (theo biên bản về việc ủy quyền ngày 19-6-2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị H: Ông Hoàng Tuấn A – Luật sư của Công ty Luật TNHH G thuộc Đoàn Luật sư thành phố H.

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại phiên tòa có mặt ông Vũ Tuấn N, những người còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 03-02-2023, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng V trình bày:

Vợ chồng chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Văn B vay vốn tại V chi nhánh Nam Định theo 03 hợp đồng tín dụng với số tiền là 5.296.200.000đ, cụ thể như sau:

Hợp đồng thứ nhất: Số LN2104143616260 ngày 23/4/2021; Số tiền vay 4.000.000.000đ; thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh đồ gỗ; lãi suất trong hạn: 11,49%/năm, hết hạn 1 tháng được điều chỉnh định kỳ 1

tháng/1 lần. Ngày 15/12/2021, chị H, anh B vi phạm về việc thực hiện lãi của hợp đồng này.

Hợp đồng thứ hai: Số LN2104143615601 ngày 23/4/2021; Số tiền vay 1.200.000.000đ; thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay đầu tư phục vụ kinh doanh đồ gỗ mỹ nghệ; lãi suất trong hạn: 12,49%/năm, hết hạn 1 tháng được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/1 lần. Ngày 15/12/2021, chị H, anh B vi phạm về việc thực hiện lãi của hợp đồng này.

Hợp đồng thứ ba: Theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm ngày 12/4/2021, tương đương với hợp đồng số 374-P-9747270 ghi trên hệ thống của V: Số tiền vay hạn mức tối đa là 99.000.000đ, số tiền giải ngân cho vay là 96.200.000đ. Lãi suất theo quy định của Ngân hàng số QĐ550/2020-LC3.

Để bảo lãnh cho khoản vay của mình, vợ chồng anh B, chị H đã nhờ vợ chồng anh T, chị Đ là anh trai chị H bảo lãnh và thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại hai thửa đất số 399 và số 400 cùng tờ bản đồ số 21 xã M của anh T, chị Đ.

Quá trình thực hiện các hợp đồng vay vốn, vợ chồng anh B, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Tổng dư nợ gốc và lãi tính đến ngày 13-7-2023 là 6.973.992.434đ; trong đó: nợ gốc 5.296.200.000đ, nợ lãi 1.550.160.616đ, lãi phạt chậm trả là 127.631.818đ.

Nay V đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng chị Hoàng Thị H, anh Nguyễn Văn B phải trả cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi theo các hợp đồng tín dụng tính đến ngày đến ngày 13-7-2023 là 6.973.992.434đ; trong đó: Nợ gốc 5.296.200.000đ, nợ lãi 1.550.160.616đ, lãi phạt chậm trả là 127.631.818đ. Vợ chồng chị H, anh B còn phải trả toàn bộ lãi phát sinh kể từ sau ngày 13-7-2023 đến ngày thực trả theo đúng mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng. Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, chị H, anh B không trả nợ đầy đủ cho V thì V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản đang thế chấp tại V thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng anh T, chị Đ để thu hồi nợ. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp vẫn không đủ để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho V thì chị H, anh B vẫn phải có trách nhiệm thanh toán cho V dư nợ còn lại và V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng hợp pháp của chị H, anh B để thu hồi nợ cho V.

Về yêu cầu độc lập của vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị H, V có ý kiến như sau: V không đồng ý với yêu cầu xác định ông Đ, bà H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và không đồng ý với yêu cầu của ông Đ, bà H đề nghị tuyên vô hiệu đối giao dịch tín dụng và giao dịch thế chấp của V. Bởi việc vay tiền giữa ông Đ, bà H với ông T, bà Đ trước đây là một quan hệ dân sự khác, hoàn toàn không liên quan tới quan hệ tín dụng giữa V và ông B, bà H và việc ông T, bà Đ đứng ra bảo lãnh cho ông B, bà H. Việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa V và ông B, bà H hoàn toàn không ảnh hưởng hay làm thay đổi nghĩa vụ phải trả nợ của ông T, bà Đ cho ông Đ, bà H theo như bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã tuyên ngày 17/8/2021. Quá trình giải quyết vụ án giữa ông Đ, bà H và ông T, bà Đ tại Tòa án các cấp thì Tòa án cũng không đề cập, xác minh hay thực hiện bất kỳ biện pháp phong tỏa tài sản nào hay áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với các tài sản thuộc sở hữu, sử dụng của ông T, bà Đ. Điều này xác định các tài sản của ông T, bà Đ không liên quan gì đến nội dung vụ kiện của ông Đ, bà H. Các văn bản, tài liệu V đã cung cấp cho Tòa án thể hiện rõ ông B, bà H là hộ gia đình có đủ điều kiện vay vốn. Tài sản thế chấp của ông T, bà Đ là quyền sử dụng đất đã được nhà nước công nhận. Ngày 23/4/2021 Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đã xác nhận đơn đăng ký giao dịch bảo đảm của V đối với thửa đất số 399 và thửa số 400 cùng thuộc tờ bản đồ số 21 xã M của ông T, bà Đ là đủ điều kiện thế chấp nên được phép thế chấp theo quy định pháp luật. Do đó, tất cả các yêu cầu của ông Đ, bà H là không có căn cứ, Ngân hàng không chấp nhận. Đề nghị Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của V.

* Bị đơn chị Hoàng Thị H quá trình tố tụng tại Tòa án trình bày:

Công nhận vợ chồng chị H, anh B có ký ba hợp đồng tín dụng vay vốn với V tổng số tiền vay gốc của ba hợp đồng là 5.296.200.000đ như V trình bày là đúng. Sau khi vay nợ, do kinh tế thị trường khó khăn, không kinh doanh được không có đơn hàng đầu tư nên khi vợ chồng anh T, chị Đ hỏi vay lại số tiền đó vợ chồng chị đã chuyển toàn bộ số tiền vay vốn đó cho anh T, chị Đ sử dụng kinh doanh. Vì khoản tiền đó vợ chồng chị vay được là do, anh T, chị Đ đã thế chấp hai thửa đất của anh chị cho Ngân hàng bảo lãnh giúp vợ chồng chị. Nhưng sau đó thì anh T, chị Đ lại làm ăn thua lỗ nên chưa trả nợ được Ngân hàng, nay Ngân hàng khởi kiện đòi nợ khoản vay trên đối với vợ chồng chị H, anh B thì vợ chồng chị H, anh B nhận trách nhiệm thúc giục vợ chồng anh T, chị Đ thu xếp trả tiền cho vợ chồng chị để vợ chồng chị trả cho V còn nếu không trả được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đồng bị đơn là anh Nguyễn Văn B quá trình tố tụng đã ủy quyền cho chị H tham gia tố tụng có quan điểm trình bày thống nhất với ý kiến của chị H.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn T quá trình tố tụng tại Tòa án trình bày:

Vợ chồng anh T là người bảo lãnh thế chấp tài sản đất của mình cho vợ chồng anh B, chị H vay nợ. Nay chị H, anh B không trả được nợ cho Ngân hàng do làm ăn khó khăn, vợ chồng anh T cũng đang rất khó khăn nên không có tiền để trả giúp vợ chồng chị H, anh B. Vì vậy anh T nhất trí để Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đối với tài sản bảo lãnh là hai thửa đất của vợ chồng anh T, chị Đ. Vì điều kiện công việc nên anh T đề nghị xin vắng mặt tại phiên Tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị Đ không có văn bản ý kiến nộp cho Tòa án.

Về yêu cầu độc lập của ông Đ, bà H thì chị H, anh B, anh T, chị Đ không ai có ý kiến nộp cho Tòa án.

* Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H nộp đơn yêu cầu đề nghị Tòa án đưa ông Đ, bà H vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Ông Đ, bà H yêu cầu: Tuyên bố vô hiệu đối với các giao dịch tín dụng, thế chấp trái pháp luật được lập giữa các bên: Bên cho vay là V – Chi nhánh Nam Định, bên vay là Hoàng Thị H, Nguyễn Văn B; bên thế chấp là Hoàng Văn T và Nguyễn Thị Đ. Vì tháng 11/2020, ông Đ, bà H khởi kiện đòi nợ đối với vợ chồng anh T, chị Đ. Đến ngày 15/4/2021, Tòa án huyện H xét xử sơ thẩm buộc anh T, chị Đ phải trả cho ông Đ, bà H số tiền nợ gốc 1.415.000.000đ. Sau đó, anh T, chị Đ kháng cáo, Tòa án phúc thẩm xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, ông Đ, bà H đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự huyện H kê biên, xử lý tài sản của vợ chồng Đậu Tế (thửa đất số 399 và 400 thuộc tờ số 21 xã M) để thanh toán trả nợ cho ông Đ, bà H. Tuy nhiên, sau đó Chi cục Thi hành án dân sự huyện H đã thông tin rằng hai thửa đất nêu trên đã bị anh T, chị Đ thế chấp tại Ngân hàng để cho em của họ vay số tiền rất lớn. Ngày 15/4/2021, Tòa án huyện H xét xử sơ thẩm xong vụ án thì ngày 23/4/2021, anh T, chị Đ đã ký thế chấp hai thửa đất trên cho V. Ông Đ, bà H nhận thấy anh T, chị Đ đã có hành vi tẩu tán tài sản để trốn tránh trách nhiệm trả nợ cho ông Đ, bà H. Phía V có những dấu hiệu cố tình vi phạm pháp luật trong việc cho vay, thế chấp, định giá tài sản cao để cho vay

cao. Quá trình khởi kiện bà Đ, ông T tại Tòa án huyện H thì ông Đ, bà H cũng đã có đơn đề nghị ngăn chặn việc thế chấp nhà đất của vợ chồng Tế, Đậu gửi tới cơ quan chức năng nhưng phía Ngân hàng vẫn để cho ông T, bà Đ thế chấp nhà đất để tẩu tán tài sản.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu độc lập của ông Đ, bà H thì ông Đ, bà H nộp đơn đề nghị Tòa án tạm đình chỉ vụ án với lý do ông Đ, bà H đang có đơn tố giác bên Công an huyện H hơn một năm nay và đến nay mới nộp tiếp về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của vợ chồng anh Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị Đ, Công an huyện H đang điều tra làm rõ, chưa có kết quả.

* Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H có ý kiến: Theo hồ sơ lưu trữ tại Chi nhánh tính đến trước ngày 09/11/2021 thì Chi nhánh không nhận được bất kỳ văn bản, giấy tờ của cơ quan tổ chức hoặc cá nhân đủ tính chất pháp lý nhằm ngăn chặn việc thực hiện quyền của người sử dụng đất theo đúng quy định. Ngày 09/11/2021 thì Chi nhánh nhận được công văn số 1078/CV-CCTHADS và ngày 14/12/2021 nhận được công văn số 1250/TN-CCTHADS của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H về việc tạm dừng đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng thay đổi hiện trạng tài sản và bảo lãnh, thế chấp đối với hai thửa đất số 399 và 400 cùng tờ bản đồ số 21 xã M. Việc nhận thực hiện đăng ký thế chấp tài sản của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H là theo đúng quy định của pháp luật.

* Ủy ban nhân dân xã M có ý kiến: Theo hồ sơ lưu trữ tại UBND xã M đến trước ngày 09/11/2021 thì Ủy ban không nhận được bất kỳ văn bản, giấy tờ liên quan của cơ quan tổ chức hoặc cá nhân đủ tính chất pháp lý nhằm ngăn chặn thực hiện quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của anh Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị Đ ở xóm 34, xã M, huyện H, tỉnh Nam Định theo đúng quy định.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/KDTM – ST ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H quyết định:

Căn cứ các Điều 299, 317, 320, 322, 323, 385, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 157, 244, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng:

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ của V đối với vợ chồng chị Hoàng Thị H, anh Nguyễn Văn B.

1.1. Buộc vợ chồng chị Hoàng Thị H, anh Nguyễn Văn B phải có nghĩa vụ trả nợ cho V khoản nợ tính đến ngày 13-7-2023 là: 6.973.992.434đ (sáu tỷ chín trăm bảy mươi ba triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, bốn trăm ba mươi tư đồng);

trong đó: nợ gốc 5.296.200.000đ (năm tỷ hai trăm chín mươi sáu triệu, hai trăm nghìn đồng), nợ lãi 1.550.160.616đ (một tỷ năm trăm năm mươi triệu, một trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm mười sáu đồng), lãi phạt chậm trả là 127.631.818đ (một trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi một nghìn, tám trăm mười tám đồng) theo các Hợp đồng cho vay số LN2104143616260 ngày 23/4/2021; số LN2104143615601 ngày 23/4/2021; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm ngày 12/4/2021, tương đương với hợp đồng số 374-P-9747270 ghi trên hệ thống của V và các văn bản tín dụng kèm theo.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày tiếp theo là ngày 14-7-2023 cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

1.2. Trường hợp vợ chồng chị Hoàng Thị H, anh Nguyễn Văn B không trả hoặc trả không đủ nợ cho V thì V có quyền đề nghị cơ quan thi hành án xử lý toàn bộ các tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị Đ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 400, tờ bản đồ số 21 xã M, đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/11/2018, mang tên ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị Đ; quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 399, tờ bản đồ số 21 xã M, đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/11/2018, mang tên ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị Đ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 3616260 ngày 23/4/2021 ký kết giữa V với vợ chồng anh Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị Đ. Nếu số tiền phát mại tài sản vượt quá tổng số tiền nợ phải trả thì vợ chồng anh T, chị Đ được nhận lại phần chênh lệch thừa. Nếu số tiền phát mại tài sản không đủ tổng số tiền nợ phải trả thì vợ chồng chị H, anh B phải tiếp tục thi hành phần chênh lệch còn thiếu đối với V cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ và các chi phí khác theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị H về yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với giao dịch tín dụng giữa V và chị H, anh B và yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với giao dịch thế chấp giữa V và anh T, chị Đ.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Buộc vợ chồng chị Hoàng Thị H, anh Nguyễn Văn B phải nộp 114.973.992đ (một trăm mười bốn triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, chín trăm chín mươi hai đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí yêu cầu độc lập nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0002653 ngày 01-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Hoàn lại cho V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.000.000đ (năm mươi bảy triệu đồng) tại biên lai thu số 0006595 ngày 14-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

* Tại đơn kháng cáo ngày 21/7/2023 ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập của ông bà.

* Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên lời trình bày, ý kiến, quan điểm như đã nêu trên.

Đại diện nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, xét xử yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H là không đúng theo quy định tại Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự; vì vậy kiến nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định rút kinh nghiệm đối với Tòa án nhân dân huyện H.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Đ, bà H là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do; ông Đ, bà H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ và bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, xét xử yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H là không đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên vi phạm tố tụng này không ảnh hưởng đến bản chất của vụ án nên không hủy mà cần rút kinh nghiệm đối với Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đ, bà H :

[2.1] Về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản:

Xét các hợp đồng cho vay số LN2104143616260 ngày 23/4/2021; số LN2104143615601 ngày 23/4/2021; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm ngày 12/4/2021, tương đương với hợp đồng số 374-P-9747270 ghi trên hệ thống của V ký kết giữa V với vợ chồng anh Nguyễn Văn B, chị Hoàng Thị H, phụ lục hợp đồng và các văn bản tín dụng khác; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3616260 ngày 23/4/2021 ký kết giữa V với vợ chồng anh Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị Đ thì thấy: Tại thời điểm ký các hợp đồng, Ngân hàng V là pháp nhân có đăng ký kinh doanh; vợ chồng anh B, chị H, anh T, chị Đ có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; anh B, chị H là hộ gia đình có đăng ký kinh doanh. Việc các bên ký hợp đồng, phụ lục hợp đồng và các văn bản tín dụng khác thể hiện ý chí tự nguyện của các bên trên cơ sở nhu cầu, kế hoạch phát triển kinh doanh, tăng thu nhập của doanh nghiệp và gia đình. Về nội dung các hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội; hình thức hợp đồng đảm bảo các điều kiện theo quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm vợ chồng anh B, chị H, vợ chồng anh T, chị Đ đều không có ý kiến gì về hình thức và nội dung của các hợp đồng đã ký kết với V, đều thừa nhận các yêu cầu khởi kiện của V nên Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, vợ chồng anh B, chị H, vợ chồng anh T, chị Đ không kháng cáo bản án sơ thẩm.

[2.2] Về yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị H:

- Xét yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với các hợp đồng tín dụng giữa V và vợ chồng anh B, chị H thì thấy: Trong vụ án này, xác định quan hệ tranh chấp là quan hệ vay tín dụng giữa V và vợ chồng anh B, chị H, trong đó có giao dịch thế chấp quyền sử dụng hai thửa đất giữa V và vợ chồng anh T, chị Đ để đảm bảo cho các khoản vay của vợ chồng anh B, chị H. Việc xác lập quan hệ vay nợ giữa anh B, chị H và V không liên quan gì đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng ông Đ, bà H. Do đó, yêu cầu của ông Đ, bà H đề nghị tuyên bố vô hiệu đối với các Hợp đồng tín dụng vay tiền giữa anh B, chị H và V là không có căn cứ chấp nhận.

- Xét yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với giao dịch thế chấp quyền sử dụng hai thửa đất số 399 và thửa đất số 400, cùng tờ bản đồ số 21 xã M đều mang tên anh T, chị Đ để đảm bảo các khoản vay giữa V và vợ chồng anh B, chị H thì thấy: Giữa anh T, chị Đ với ông Đ, bà H có phát sinh quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đã được giải quyết bằng bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên việc vay mượn tiền giữa hai bên không có tài sản đảm bảo, khi giải quyết tranh chấp vay tài sản tại Tòa án hai cấp thì ông Đ, bà H không yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản của anh T, chị Đ; không có văn bản đề nghị các cơ quan có thẩm quyền ngăn chặn việc chuyển dịch, thế chấp tài sản của anh T, chị Đ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án khoản vay đang tranh chấp nên Tòa án chỉ giải quyết buộc anh T, chị Đ phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền gốc và lãi đã vay của ông Đ, bà H; không giải quyết vấn đề gì liên quan đến 2 thửa đất số 399 và thửa số 400 của vợ chồng anh T, chị Đ.

Ngày 23-4-2023 vợ chồng anh T, chị Đ ký hợp đồng thế chấp tài sản với V là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa số 399 và thửa số 400, cùng tờ bản đồ số 21 xã M, đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/11/2018 đứng tên anh T, chị Đ để đảm bảo các khoản vay giữa V và vợ chồng anh B, chị H. Về nội dung và hình thức của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và đảm bảo các điều kiện theo quy định pháp luật; chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H xác nhận hai thửa đất của anh T và chị Đ đủ điều kiện thế chấp. Do đó Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa anh T, chị Đ với V là hợp pháp. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa anh T, chị Đ với V không liên quan gì đến hợp đồng vay tài sản giữa anh T, chị Đ với ông Đ, bà H.

Mặt khác tại thời điểm anh T, chị Đ ký hợp đồng thế chấp tài sản với V thì bản án sơ thẩm số 43/2021/DS-ST ngày 15-4-20221 của Tòa án huyện H chưa có hiệu lực pháp luật; ông Đ, bà H chưa có đơn yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, xử lý hai thửa đất số 399 và 400 thuộc tờ số 21 xã M của anh T, chị Đ để thanh toán trả nợ cho ông Đ, bà H. Vì vậy yêu cầu của ông Đ, bà H về tuyên bố giao dịch thế chấp quyền sử dụng hai thửa đất số 399 và thửa đất số 400, cùng tờ bản đồ số 21 xã M giữa anh T, chị Đ với V là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu của ông Đ, bà H đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra để xử lý anh T, chị Đ về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là không có cơ sở chấp nhận. Vì ông Đ, bà H đã có đơn gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, khi nào Cơ quan điều tra xác minh làm rõ thì xử lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Đ, bà H không được chấp nhận nên phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/KDTM-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Vợ chồng bà ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H mỗi người phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) ông Đ và bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002722 và 0002723 cùng ngày 28/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Vợ chồng ông Đ và bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng